

TỨ NHIẾP PHÁP

(Saṅgahavatthu)

I. Định nghĩa:

Tứ Nhiếp Pháp, tiếng pāli là Saṅgahavatthu, là bốn pháp nhiếp phục, thu phục lòng người hay cảm hóa tha nhân. Cụm từ pāli: Saṅgahavatthu dịch là nhiếp pháp, gồm hai từ Saṅgha và vatthu ghép lại với nhau.

- Saṅgha: là sự thu nhiếp, thu phục, nhiếp hóa, cảm hóa, kết tập, gom lại.
- Vatthu: là sự vật, pháp, nền tảng, cơ sở, căn cứ, điều kiện.

Như vậy, Saṅgahavatthu nghĩa là bốn nền tảng để thu phục, cảm hóa chúng sanh, làm cho chúng sanh được quy tụ gắn kết trong thiện pháp và duy trì sự hòa hợp.

Tứ Nhiếp Pháp đó là: Bố thí (dāna), Ái ngữ (piyavācā), Lợi hành (atthacariyā) và Đồng sự (samānattā).

Bốn Nhiếp pháp là những nguyên tắc sống cao đẹp, đồng thời cũng là những phương tiện thiện xảo mà chư Bồ-tát, tiền thân của chư Phật, luôn lấy làm kim chỉ nam để cảm hóa và nhiếp phục chúng sanh, hướng dẫn họ thực hành các thiện pháp, vun bồi giới đức, đem lại hạnh phúc, an vui trong hiện tại và hướng đến giác ngộ giải thoát.

Tứ Nhiếp Pháp được Đức Phật thuyết giảng trong Kinh Tăng Chi như sau:

“Này các tỳ-khưu, có bốn nhiếp pháp này. Thế nào là bốn?

“Bố thí và ái ngữ,

Lợi hành và đồng sự

Hỡi các vị tỳ-khưu,

Đây là bốn nhiếp pháp.

“Bố thí và ái ngữ,

Lợi hành và đồng sự,

Đối với những pháp này,
Ở đời đối xử nhau,
Chỗ này và chỗ kia,
Như vậy thật tương xứng.

“Và bốn nhiếp pháp này,
Như đỉnh đầu trục xe,
Nếu thiếu nhiếp pháp này,
Thời cả mẹ lẫn cha
Không được các người con
Tôn trọng và cung kính.

“Do vậy bậc Hiền trí,
Đồng đẳng nhìn nhiếp pháp
Nhờ vậy họ đạt được,
Sự cao lớn, tán thán.” (AN 4.32, AN 4.256)

Một bài kinh khác trong Tăng Chi Kinh IV, chương 9, phẩm Chánh Giác, Đức Phật dạy:

“Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năng nhiếp lực?

Này các Tỷ-kheo, có bốn Nhiếp pháp này: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Tối thượng trong các loại bố thí, này các Tỷ-kheo, là pháp thí. Tối thượng trong các loại ái ngữ, này các Tỷ-kheo là tiếp tục thuyết pháp cho những ai hy cầu và lắng tai nghe. Tối thượng trong các lợi hành, này các Tỷ-kheo, là đối với người không có lòng tin, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ lòng tin. Đối với người không giữ giới, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ giới; đối với người xan tham khích lệ, đặt vào an trú vào bố thí; đối với người ác tuệ, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tôi thượng trong đồng sự là đồng sự giữa bậc Dự Lưu với bậc Dự Lưu, bậc Nhất Lai với bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai với bậc Bất Lai, bậc A-la-hán với bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, đây là sức mạnh năng nhiếp.”

II. Nội Dung:

A. Bố thí (Dāna)

Bố thí (Dāna, tàu âm là đàn na) nghĩa là sự cho, biếu, tặng, dâng cúng, san sẻ... Sự cho ra mà không mong cầu báo đáp lại gọi là bố thí.

Bố thí là một hạnh lành trong mười pháp Ba la mật, là hành động chia sẻ những gì mình đang có với tâm rộng rãi nhằm mang lại lợi ích và nhiếp hóa chúng sanh.

Khi người dứt bỏ tâm xan tham, keo kiệt bủn xỉn mới bố thí được, do vậy, bố thí là hạnh lành cao quý. Không phải ai cũng làm được, không phải lúc nào cũng làm được.

Bố thí (dāna) còn được gọi là xả tài (cāga) hay thí xả (pariccāga).

Điều kiện bố thí:

Để thành tựu một việc bố thí, phải hội đủ ba điều kiện:

- a) Tác ý bố thí (cetanā): là sự khởi tác ý bố thí rằng: ta sẽ bố thí.
- b) Có vật thí (vatthu): là y phục (cīvara), vật thực (piṇḍapāta), trú xứ (senāsana), thuốc trị bệnh (gilānabhesajja).
- c) Có người nhận (paṭigāhaka): tức là người thọ thí hay đối tượng thí.

Đối tượng thí có hai là: cá nhân thí (paṭipuggalika) và tập thể thí (saṅghika).

Bố thí có hai hình thức là:

Bố thí tế độ (saṅgahavasa) và Bố thí cúng dường (pūjavasa).

- a) Bố thí tế độ (saṅgahavasa):

Là sự bố thí xuất phát từ tâm bi mẫn, nhằm giúp đỡ và xoa dịu khổ đau của những người bất hạnh, nghèo khó như chia sẻ y phục, thực phẩm, thuốc men, trú xứ hoặc cứu trợ người gặp thiên tai, hoạn nạn...

Ca dao có câu:

Miếng khi đói, gói khi no

Của tuy tơ tóc, nghĩa so nghìn trùng.

a) Bồ thí cúng dường (pūjavasa):

Là sự bồ thí với tâm trong sạch và lòng cung kính đối với những bậc đáng tôn kính, như là cúng dường đến chư Tăng, các bậc sa-môn giới hạnh, cha mẹ và thầy tổ.

Tục ngữ có câu: Của cho không bằng cách cho.

Bồ thí, cúng dường với tâm cung kính, tôn trọng không chỉ mang lại niềm hoan hỷ cho người nhận mà còn tạo ra phước báu vô lượng cho người thực hành.

Trong Kinh Tăng Kinh, Đức Phật phân chia bồ thí thành hai loại là: Bồ thí tài vật (āmisadāna) và Bồ thí pháp (Dhammadāna).

a) Bồ thí tài vật (Āmisadāna):

Là bồ thí tài sản vật chất như tiền bạc, tài sản, vật thực, y phục, thuốc men, chỗ ở và những nhu yếu phẩm cần thiết khác để giúp đỡ những người nghèo khổ, bệnh tật, hoặc gặp hoạn nạn thiên tai... Chính nhờ tâm rộng lượng, bao dung, từ bi và xả ly này mà người bồ thí có thể nhiếp phục, cảm hóa được chúng sanh.

Bồ thí tài vật có công năng nhiếp hóa và tiếp độ chúng sanh nên còn gọi nhiếp hóa bằng tài vật (āmisasaṅgāha).

b) Bồ thí pháp (Dhammadāna):

Là thuyết pháp, giảng đạo, hướng dẫn thiền, tặng kinh sách, chỉ dạy giáo pháp, khuyến khích người khác thực hành chánh pháp. Đây là sự bồ thí cao quý nhất, vì giúp cho người nghe phát sanh chánh kiến, tăng trưởng đức tin nơi Tam bảo, đoạn trừ tà kiến và các bất thiện pháp, tăng trưởng giới, định, tuệ, thành tựu sự an lạc hạnh phúc ngay trong đời sống hiện tại và hướng đến sự giác ngộ đạo quả và Niết bàn.

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Chương hai pháp, phẩm bồ thí, Đức Phật khẳng định giá trị tối thượng của bồ thí pháp như sau:

“Này các Tỳ-kheo, có hai loại bố thí. Thế nào là hai? Bố thí tài vật và bố thí pháp. Này các Tỳ-kheo, đây là hai loại bố thí. Trong hai loại bố thí ấy, bố thí pháp là tối thắng.” (AN 2.142)

Trong Pháp cú kinh câu 354, Đức Phật cũng dạy rằng:

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti”: Pháp thí thắng mọi thí.

Bố thí pháp lại có công năng nhiếp hóa và tiếp độ chúng sanh theo chánh pháp nên còn được gọi là nhiếp hóa chúng sanh bởi pháp (dhammasaṅgāha).

Bố thí (Dāna) là pháp tu căn bản giúp thanh lọc tâm, chế ngự và làm suy giảm tham lam, keo kiệt, bõn xén (macchariya), nuôi dưỡng tâm xả ly (cāga) và tâm từ (mettā) và trí tuệ. Đồng thời, bố thí đem lại lợi ích cho người nhận, tăng trưởng đức tin, tạo duyên thực hành Chánh pháp và góp phần xây dựng cộng đồng hòa hợp, đoàn kết, an lạc.

Quả phúc Bố thí:

Người bố thí đem lại lợi lạc cho mình và cho tha nhân

Hạnh bố thí có những quả báu, lợi ích khác nhau tùy theo vật thí, tâm lý bố thí, cung cách bố thí v.v...

Quả báo thiết thực của sự bố thí (A.III.38) có năm điều là:

- 1) Được nhiều người thương yêu kính mến.
- 2) Được các bậc thiện trí thức giao hảo.
- 3) Danh thơm tiếng tốt lan truyền
- 4) Có tâm dạn dĩ tự tại khi đến giữa các hội chúng.
- 5) Sau khi mạng chung được sanh vào nhân cảnh cõi trời.

B. Ái Ngữ (Piyavācā hay peyyavajja):

Ái ngữ là lời nói dịu ngọt, hòa nhã, chân thật, đúng thời, đúng pháp, xuất phát từ tâm từ và trí tuệ mang lại lợi ích thiết thực và tạo thiện cảm cho người nghe.

Đa phần người thế gian hiểu ái ngữ là nói lời ngọt ngào, nhẹ nhàng, dễ nghe, làm vui lòng người khác. Thậm chí, có những hình thức ái ngữ được dùng

như một kỹ thuật giao tiếp với mục đích chinh phục lòng người, tạo thiện cảm lấy lợi cho bản thân, hay tô vẽ cho cái tôi.

Vì vậy, một lời nói ngọt ngào, dễ nghe khiến người nghe vui lòng nhưng động cơ xuất phát từ tham ái, mong cầu lợi lộc, danh vọng, sự tán dương hay củng cố bản ngã thì không phải là ái ngữ theo ý nghĩa mà Đức Phật dạy.

Lời nói ái ngữ có 4 điều:

1. Nói lời chân thật.
2. Nói lời lợi ích.
3. Nói đúng thời.
4. Nói với tâm từ.

Trong Tăng Chi Kinh (Aṅguttara Nikāya), Đức Phật dạy lời nói ái ngữ như sau:

“Này các Tỷ-kheo, lời nói nào là chân thật, lợi ích, được nói đúng thời, có lòng từ, không vì sân hận, thì Ta gọi đó là lời nói ái ngữ.” (Aṅguttara Nikāya 5.198 - Piyavācā Sutta).

Như vậy, ái ngữ không phải chỉ là lời nói dịu ngọt, mà còn phải chân thật, đúng thời, lợi ích và xuất phát từ tâm từ.

Khi lời nói phát xuất từ một tâm không tham dục, không sân hận, đầy lòng từ bi và trí tuệ, thì lời nói ấy trở thành lời ái ngữ chân chánh, đem lại lợi ích cho người nghe, khiến cho họ hoan hỷ, xoa dịu khổ đau, tăng trưởng thiện tâm, và sống an lạc, hạnh phúc.

Tóm lại, ái ngữ không chỉ đem lại niềm hoan hỷ cho người nghe, xoa dịu khổ đau, hóa giải hận thù và tăng trưởng niềm tin, mà còn khuyến khích họ sống đạo đức, thực hành thiện pháp, hướng đến đời sống an lạc và hạnh phúc lâu dài.

C. Lợi Hành (Atthacariyā).

Lợi hành (Atthacariyā) là những hành động vị tha mang lại lợi ích cho chúng sanh khác qua thân, khẩu và ý, xuất phát từ tâm từ bi và trí tuệ; cao quý nhất là hướng dẫn họ thực hành thiện pháp, phát triển tâm linh và hướng đến giải thoát.

Đức Phật dạy rằng người có trí phải biết rõ và hành động đúng đối với lợi ích của mình (attattha), lợi ích của người (parattha) và lợi ích của cả hai (ubhayattha): “Attattham vā hi ñatvā, parattham vā hi ñatvā, ubhayattham vā hi ñatvā...”: Biết rõ lợi ích của mình, biết rõ lợi ích của người, hoặc biết rõ lợi ích của cả hai... (AN. 4.99)

“Đừng vì lợi mình mà hại người; đừng vì lợi người mà hại mình; hãy vì lợi ích cho cả hai – đó mới là lợi hành chơn chánh.”

Lợi hành (Atthacariyā) là thực hiện các việc lợi ích cho người khác qua thân, khẩu và ý.

- Lợi hành qua thân: là giúp đỡ người khác bằng hành động, như chăm sóc cha mẹ, thầy tổ, người già yếu, tham gia các công việc thiện nguyện, phụng sự Tam Bảo...
- Lợi hành qua khẩu: là dùng lời nói khuyên dạy người khác làm điều thiện, tránh xa điều ác, nói lời chân thật, lợi ích, đúng thời và hòa nhã, an ủi động viên người đang khổ đau và hướng dẫn họ thực hành chánh pháp...
- Lợi hành qua ý: là khởi tâm thiện lành hướng đến lợi ích của người khác bằng tâm từ bi và trí tuệ, như mong muốn họ được an vui, thoát khỏi khổ đau, tăng trưởng thiện pháp và tiến bộ trên con đường tu tập.

Lợi hành (Atthacariyā) không chỉ mang lại lợi ích về vật chất mà còn hướng dẫn, khích lệ người khác an trú trong thiện pháp. Cao quý nhất là chỉ dạy Chánh pháp, giúp họ thấy rõ khổ, nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và tu tập Bát Chánh đạo đưa đến chấm dứt khổ đau. Đây là lợi ích cao thượng nhất, vì giúp người khác tự mình bước đi trên con đường đoạn tận khổ đau và đạt đến giải thoát.

Đức Phật dạy rằng Lợi hành tối thượng là giúp người khác an trú trong bốn pháp: đức tin (saddhā), trì giới (sīla), xả thí (cāga) và trí tuệ (paññā).

Trong Kinh Tăng Chi, Đức Phật dạy:

Tối thượng trong các lợi hành, này các Tỷ-kheo, là đối với người không có lòng tin, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ lòng tin. Đối với người không giữ giới, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ giới; đối với người xan tham khích lệ,

đặt vào an trú vào bố thí; đối với người ác tuệ, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ trí tuệ. (AN 9.5)

Tóm lại, Lợi hành (Atthacariyā) không chỉ đem lại lợi ích vật chất, mà còn hướng dẫn và khích lệ người khác an trú trong thiện pháp, thành tựu bốn pháp: đức tin (saddhā), giới hạnh (sīla), bố thí (cāga) và trí tuệ (paññā). Nhờ đó, họ đạt được lợi ích hiện tại, lợi ích tương lai và lợi ích tối thượng, tức giải thoát khỏi khổ đau. Đây chính là Lợi hành cao quý theo lời dạy của Đức Phật.

D. Đồng sự (Samānattatā):

Đồng sự (Samānattatā) là đối xử hòa hợp, bình đẳng với nhau và đồng hành với mọi người; xử sự công bằng, không thiên vị, không phân biệt thân sơ, giàu nghèo, sang hèn hay địa vị, biết đồng vui cộng khổ, biết nhìn điểm tương đồng, cùng gánh vác trách nhiệm và cùng làm các việc lợi ích.

Samānattatā nghĩa là giống nhau, bằng nhau, như nhau; không tư vị, thiên vị ai trong đời sống của mọi người giữa cộng đồng.

Trong đời sống Tăng đoàn, tinh thần Đồng sự (Samānattatā) được thể hiện qua sự bình đẳng, hòa hợp và cùng chung trách nhiệm. Chư Tăng, chư Ni cùng sống, cùng tu học, cùng thọ dụng những vật dụng cần thiết theo giới luật và cùng tham gia các Phật sự phù hợp với khả năng của mình. Mọi người đều được đối xử công bằng, không thiên vị, không vì thương mà ưu ái, cũng không vì ghét mà phân biệt hay giao việc nặng nhẹ một cách bất công.

Trong gia đình cũng như ngoài xã hội, người cư sĩ cần thấu hiểu và khéo léo thực hành Đồng sự (Samānattatā) trong mọi hoàn cảnh. Đó là biết sống hòa hợp, đối xử bình đẳng, chia sẻ trách nhiệm, cảm thông và đồng hành với mọi người bằng tâm chân thành, không thiên vị hay phân biệt đối xử. Nhờ vậy, người thực hành Đồng sự không chỉ tự mình vun bồi công đức, tăng trưởng các thiện pháp và tiến tu trên con đường giác ngộ, mà còn nêu tấm gương tốt để cảm hóa, nhiếp phục người khác, giúp họ phát khởi thiện tâm, tăng trưởng thiện pháp và hướng đến con đường giải thoát.

Trong Kinh Tăng Chi IV, chương 9, phẩm Chánh Giác, Đức Phật giảng rằng Đồng sự (Samānattatā) đạt đến ý nghĩa cao quý nhất khi những người cùng

đồng an trú trong một Thánh quả. Đây chính là Đồng sự tối thượng mà Đức Phật tán thán như sau:

“Này các Tỷ-kheo, tối thượng trong đồng sự là đồng sự giữa bậc Dự Lưu với bậc Dự Lưu, bậc Nhất Lai với bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai với bậc Bất Lai, bậc A-la-hán với bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, đây là sức mạnh năng nhiếp.”

Đồng sự ở mức độ cao nhất là sự tương đồng về chánh tri kiến. Những vị cùng chứng một Thánh quả đều có chung một nền tảng giới hạnh, cùng một Chánh kiến, cùng một sự chứng ngộ, cùng một mục tiêu giải thoát và cùng an trú trong Thánh pháp. Vì cùng thấy biết chân lý như thật, nên giữa các Ngài không còn sự bất đồng về quan điểm, không còn tranh chấp, ganh đua hay đối lập, mà chỉ có sự hòa hợp và kính trọng lẫn nhau.

Tóm lại, Đồng sự (Samānattatā) là một trong bốn pháp nhiếp hóa chúng sanh bằng sự bình đẳng, gần gũi, đồng hành và chia sẻ cùng nhau trong đời sống. Cao quý nhất của Đồng sự là cùng sống trong Chánh pháp, cùng thực hành thiện pháp, cùng gìn giữ giới hạnh, vun bồi chánh kiến và cùng một sự chứng ngộ đạo quả. Đây chính là sức mạnh nhiếp hóa tạo nên sự hòa hợp, đoàn kết trong gia đình, xã hội và Tăng đoàn.

III. Kết Luận:

Tứ Nhiếp Pháp (Saṅgahavatthu) là bốn pháp nhiếp hóa giúp hành giả cảm hóa, nhiếp phục lòng người bằng tâm từ bi và trí tuệ. Việc thực hành bốn pháp này không chỉ mang lại lợi ích, an vui và hạnh phúc cho tha nhân, mà chính bản thân cũng được tăng trưởng thiện pháp, đạt được sự lợi ích, an vui trong đời sống. Đồng thời, Tứ nhiếp pháp còn góp phần xây dựng sự hòa hợp trong gia đình, cộng đồng và Tăng đoàn. Vì vậy, Tứ Nhiếp Pháp không chỉ là nghệ thuật ứng xử đầy từ bi và trí tuệ, mà còn là phương tiện thiện xảo để hộ trì Chánh pháp, lợi mình, lợi người và đem lại lợi ích lâu dài cho số đông.